

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HS-ST

Ngày 29 - 4 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Khen.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Đông và bà Lê Thị Hồng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại Hội trường xét xử, trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Thị Tuyết P; tên gọi khác: Không; sinh ngày 09/4/1981, tại tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; nơi cư trú: thôn 4, xã T, huyện Đ, tỉnh K; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; số CCCD: 062181003296; cấp ngày 10/8/2021; nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; con ông Đỗ Văn Q (đã chết); con bà Nguyễn Thị T; có chồng là Bùi Đức H và có 02 con lớn nhất sinh 2004, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2024 đến ngày 10/01/2025 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 08/8/1986, tại tỉnh N; nghề nghiệp: Làm nông; nơi cư trú: thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh K; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; Số CCCD: 036186018686; cấp ngày 10/12/2022; nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; con ông Trần Văn C; con bà Nguyễn Thị S; có chồng Trần Văn T và 03 con lớn nhất sinh 2005, nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2024 đến ngày 10/01/2025 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn K; tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/10/1979, tại tỉnh Q; nghề nghiệp: Buôn bán; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh K; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; số CCCD: 051079008530; cấp ngày 05/01/2023; nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; con ông Nguyễn N; con bà Phạm Thị N; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lý Thanh H, sinh năm: 1984; địa chỉ: Khối 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh A B, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh K. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh K. Có mặt.

4. Anh Bùi Đức H, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện Đ, tỉnh K. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh Trần Văn T, sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh K. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Vào ngày 29/12/2024, Tổ công tác thuộc đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự Công an huyện N và Công an thị trấn P tiến hành tuần tra, kiểm soát tại địa bàn thị trấn P, huyện N. Khoảng 13 giờ 30 cùng ngày, tổ công tác phát hiện một người phụ nữ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu đen, gắn biển kiểm soát 82U1 – 057.90, di chuyển trên đường bê tông thuộc tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng phương tiện để kiểm tra. Tại thời điểm kiểm tra, người phụ nữ khai nhận tên là Đỗ Thị Tuyết P, sinh năm 1981, trú tại thôn 4, xã T, huyện Đ, tỉnh K. Kiểm tra trong cốp xe mô tô do Đỗ Thị Tuyết P điều khiển phát hiện trong cốp có một bao xác rắn màu xanh, trên bao có chữ “DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CỬU LONG II” loại bao đựng gạo, bên trong bao xác rắn màu xanh có một bao xác rắn màu nâu, kiểm tra trong bao xác rắn màu nâu thấy có một cá thể động vật còn sống, có bốn chi, thân có

vảy cứng xếp chồng lên nhau nghi là loài Tê tê. Đỗ Thị Tuyết P khai nhận cá thể động vật trên là loài Tê tê P mua được của một người phụ nữ tên thường gọi là H tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh K, với giá 2.900.000đồng để mang đi bán cho một người đàn ông tên P chưa rõ lai lịch tại huyện N, tỉnh K. Khi P đang trên đường mang cá thể Tê tê trên đi giao cho người tên P thì bị Công an huyện N tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” và tạm giữ vật chứng theo quy định. Đến 18 giờ cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của P tại thôn 4, xã T, huyện Đ, tiếp tục phát hiện 01 cá thể động vật còn sống, có bốn chi, thân có vảy cứng xếp chồng lên nhau nghi là loài Tê tê được bỏ trong một túi lưới màu xanh giấu ở hàng rào phía sau nhà P. P khai nhận cá thể động vật trên là loài Tê tê, P mua được vào ngày 27/12/2024 của một đối tượng tên “S” cất giấu tại nơi ở để bán lại cho người khác kiếm lợi nhuận.

Căn cứ vào lời khai của P và các tài liệu chứng cứ thu thập được, Cơ quan điều tra đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Thị H, sinh năm 1986, trú tại thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh K. Quá trình điều tra, H khai là người làm nghề buôn bán tại xã Đ, huyện T. Bị cáo có mối quan hệ quen biết với P, khoảng 09 giờ 30 ngày 29/12/2024, có một người đàn ông dân tộc thiểu số không rõ nhân thân lai lịch đi trên một xe mô tô không rõ biển kiểm soát mang theo một cá thể Tê tê java còn sống, khối lượng khoảng 7,3 kg, đựng trong một bao xác rắn màu nâu, bọc bên ngoài là bao xác rắn màu xanh, đến nhà bị cáo hỏi có mua hay không. Lúc này H gọi điện thoại qua ứng dụng Zalo hỏi P có muốn mua cá thể Tê tê trên hay không, thì P đồng ý và H nói P vào nhà H mua trực tiếp của người đàn ông kia nhưng P nói H bỏ tiền ra mua rồi bán lại cho P và hẹn giao nhận cá thể Tê Tê ở ven đường DT 672, Quốc lộ 40B, gần cây xăng xã Đ nên H đồng ý. Sau đó, H thoả thuận mua được cá thể Tê tê của người bán với giá 2.750.000 đồng nhưng chưa trả tiền ngay. Khoảng 11 giờ 20 cùng ngày, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE α, màu đỏ - đen, gắn biển kiểm soát 82K6 – 6977 mang cá thể Tê tê đựng trong hai bao xác rắn trên đi giao cho P và nhận tiền như đã thoả thuận, còn người đàn ông kia ngồi đợi tại nhà H. Sau khi nhận tiền từ P, H về nhà trả tiền cho người bán với giá đã thoả thuận. Người bán nhận tiền rồi bỏ đi. H được hưởng lợi 150.000 đồng.

Tiến hành Điều tra, xác minh về đối tượng tên “S”, Cơ quan điều tra đã xác định Nguyễn K, tên gọi khác là S, sinh năm 1979, trú tại thôn T, xã T, huyện T chính là người đã bán một cá thể Tê tê java cho P vào ngày 27/12/2024. Đã xác định hành vi phạm tội của Nguyễn K như sau: Khoảng 10 giờ 00 ngày 27/12/2024, khi Nguyễn K đang đi mua bò ở xã T, huyện T thì gặp một người thanh niên dân tộc thiểu số không rõ nhân thân, lai lịch đeo một chiếc gùi trên lưng, bên trong có một cá thể Tê tê còn sống, nặng khoảng 3,8kg, đựng bằng một túi lưới màu xanh. Người này hỏi K có mua Tê tê không.

K có quen biết Đỗ Thị Tuyết P và biết P có mua bán động vật rừng nên nảy sinh ý định mua cá thể Tê tê này bán lại cho P kiếm lời. K dùng điện thoại liên lạc với P qua ứng dụng Zalo, hỏi P có mua cá thể Tê tê này hay không. P đồng ý mua cá thể Tê tê này với giá 2.800.000 đồng và trả công K mua, vận chuyển cá thể Tê tê mang đến nhà cho P là 800.000 đồng. K thoả thuận giá mua với người bán thì người này đồng ý bán cá thể Tê tê với giá 2.800.000 đồng. K lấy tiền mang theo trong người đưa cho người bán. Sau đó K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA BLADE, màu đen, gắn biển kiểm soát 82G1 – 050.01 bỏ túi lưới màu xanh chứa con Tê tê vào trong cốp xe mô tô và mang đến nhà P. Khoảng 14 giờ 30 cùng ngày, K mang cá thể Tê tê đến nhà P bán cho P. P kiểm tra thấy cá thể Tê tê bị thương ở đuôi nên chỉ đồng ý mua với giá 2.560.000 đồng gồm cả công K mua, vận chuyển. K đồng ý bán cá thể Tê tê cho P. Do P không có tiền mặt nên hỏi K có tài khoản ngân hàng không để P chuyển khoản. K không có tài khoản ngân hàng nên nhờ chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Văn M là bạn của K nhận tiền giúp. Sau đó K đi về huyện T. Đến ngày 29/12/2024, anh M đã rút tiền mặt trả đủ cho K số tiền trên. K đã tiêu dùng hết số tiền trên vào việc buôn bán bời lời.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp lĩnh vực lâm nghiệp số: 01-2025/KL/ GĐCN, ngày 02/01/2025 của Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh K kết luận: Hai cá thể động vật gửi giám định là loài Tê tê java, tên khoa học *Manis javanica*, thuộc Lớp thú (*Mammalia*), Bộ Tê tê (*Pholidota*) được xếp vào danh mục động thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Nghị định 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi Điều 7, Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ); và nhóm IB theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Tại bản Cáo trạng số: 10/CT-VKSNH ngày 17 tháng 3 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo Đỗ Thị Tuyết P, Trần Thị H và Nguyễn K về tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Đỗ Thị Tuyết P Trần Thị H và Nguyễn K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng truy tố, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh K thực hành quyền công tố, luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 244 của Bộ luật hình sự, tuyên các bị cáo Đỗ Thị Tuyết P, Trần Thị H và Nguyễn K phạm tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*”.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Thị Tuyết P. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Tuyết P mức án tù 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam;

Áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị H và Nguyễn K. Xử phạt bị cáo Trần Thị H và bị cáo Nguyễn K mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án 29-4-2025. Giao các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn K cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận, bào chữa gì với luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trước khi nghị án các bị cáo được quyền nói lời sau cùng: Các bị cáo đều bày tỏ thái độ ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo Đỗ Thị Tuyết P, Trần Thị H và Nguyễn K phù hợp với biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và các tình tiết khách quan của vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Trong hai ngày 27/12/2024 và ngày 29/12/2024 bị cáo Đỗ Thị Tuyết P đã có hành vi mua hai cá thể Tê tê của Trần Thị H và Nguyễn K, theo Bản kết luận giám định tư pháp lĩnh vực lâm nghiệp số 01-2025/KL/GĐCN, ngày 02/01/2025 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh K kết luận: Hai cá thể

động vật gửi giám định là loài Tê tê java, được xếp vào danh mục động thực vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thuộc nhóm IB về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp theo Nghị định 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ, sửa đổi Điều 7, Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ và nhóm IB theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ. Với các hành vi nêu trên, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo Đỗ Thị Tuyết P, Trần Thị H, Nguyễn K ra trước Toà án để xét xử về tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tội danh, hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 244 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ đã xâm phạm đến chế độ quản lý nhà nước về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm; đi ngược lại với chính sách của nhà nước trong việc bảo tồn, duy trì, phát triển số lượng các loài động vật nguy cấp quý, hiếm; làm ảnh hưởng tiêu cực đến đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái trong tự nhiên.. khiến dư luận bất bình. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý về mua bán trái phép cá thể Tê tê, nhằm mục đích kiếm lời, mà Tê tê là loài động vật có tên trong phụ lục, danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và loài Tê Tê có tên trong Nhóm IB, danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. Vì vậy, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự với một hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ sức răn đe riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Xét thấy trong vụ án này các bị cáo cùng nhau thực hiện một tội phạm nhưng không có sự chuẩn bị, tổ chức, bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ xét xử các bị cáo trong vụ án theo điểm a khoản 1 Điều 244 Bộ luật hình sự.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo P có hành vi mua hai cá thể Tê tê của bị cáo H và bị cáo K vào hai thời điểm khác nhau, nên thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Trong vụ án này, gia đình bị cáo P, H đang nuôi con nhỏ và có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo H và K sống ở vùng kinh tế khó khăn, đều được Ủy ban nhân dân có

thảm quyền nơi các bị cáo cư trú xác nhận. Ngoài ra, bị cáo H đã nộp lại số tiền 150.000đồng, bị cáo K nộp lại số tiền 2.560.000đồng đây là số tiền các bị cáo có được từ hành vi phạm tội mà có. Các bị cáo bị kết án lần đầu và đều có nhân thân tốt, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] *Hội đồng xét thấy*, với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ và ý thức chủ quan của người phạm tội như đã nhận định ở trên, bị cáo Trần Thị H và bị cáo Nguyễn K có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly ra khỏi đời sống xã hội cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, thể hiện được tính nhân văn của pháp luật đối với người phạm tội. Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Thị Tuyết P có tình tiết tăng nặng và nguy hiểm hơn hai bị cáo H và K, cho nên cần xử lý bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo và nêu gương phòng ngừa.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, còn phải nuôi con nhỏ, thu nhập không ổn định được chính quyền địa phương xác nhận. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] *Về xử lý vật chứng*:

- Đối với hai cá thể Tê tê đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện N bàn giao cho Trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học và Du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Cúc Phương để cứu hộ, chăm sóc, bảo tồn theo quy định, nên HĐXX không xem xét.

- Đối với 01 (một) bao xác rắn màu xanh, trên bao có chữ “DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CỬU LONG II” (loại bao đựng gạo); 01 (một) bao xác rắn màu nâu; 01 (một) túi lưới màu xanh, đều đã qua sử dụng và dùng để chứa đựng cá thể Tê tê, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu đen, gắn biển kiểm soát 82U1 – 057.90, đã qua sử dụng, số khung: RLHJK0319MZ074019; số máy: JK03E5280265 là tài sản của bị cáo Đỗ Thị Tuyết P dùng vào vận chuyển Tê tê còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, màu đỏ-đen, tên thiết bị “OPPO A5S”, kiểu máy: “CPH1912”; số IMEI 1: 868683046382119, số IMEI 2: 868683046382101, khe sim 1 gắn sim số 0364.536.485 và khe sim 2 gắn số: 0355.910.471, đã qua sử dụng, màn hình có vết nứt vỡ là tài sản của Đỗ Thị Tuyết Phương và 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu

“SAMSUNG”, màu trắng – xanh – đen, kiểu loại “GALAXY A05S”, số IMEI 1: 357533648031309, số IMEI 2: 358833708031309, điện thoại gắn một sim số 0373.101.948, đã qua sử dụng là tài sản của Trần Thị H. Đây là các phương tiện mà bị cáo P và H dùng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội và còn giá trị sử dụng, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền 150.000đồng bị cáo Trần Thị H nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, đây là số tiền hưởng lợi từ việc bán Tê tê, xét đây là số tiền thu lợi bất chính mà có nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Số tiền 2.560.000đồng bị cáo Nguyễn K nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N để khắc phục hậu quả, xét thấy đây là số tiền bị cáo bán Tê tê mà có, là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về các hành vi có liên quan trong vụ án:

- Đối với hai đối tượng đã bán cá thể Tê tê java cho bị cáo Nguyễn K và Trần Thị H nhưng không biết rõ về nhân thân, lai lịch, thông tin mà các bị cáo cung cấp không cụ thể. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, truy tìm hai đối tượng này nhưng chưa có kết quả. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ khi có kết quả sẽ xử lý sau.

- Đối với đối tượng tên P là người đã thoả thuận mua cá thể Tê tê java của bị cáo P: Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh về người này. Tuy nhiên, P không biết rõ về nhân thân, lai lịch của P, thông tin cung cấp không cụ thể. Do đó, đến nay Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch của đối tượng này và sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau khi có kết quả.

- Đối với anh A B chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA BLADE, màu đen, gắn biển kiểm soát 82G1 – 050.01. Ngày 27/12/2024, bị cáo K mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, rồi tự ý sử dụng xe mô tô này để vận chuyển một cá thể Tê tê java đi bán cho P. Quá trình điều tra đã xác định anh A B không biết và không có liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo K, nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự của anh A B trong vụ án là đúng quy định.

- Đối với anh Lý Thanh H là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE α , màu đỏ - đen, gắn biển kiểm soát 82K6 – 6977 mà bị cáo Trần Thị H mượn xe mô tô trên của anh H làm phương tiện đi lại, sau đó tự ý sử dụng xe mô tô này để vận chuyển một cá thể Tê tê java đi bán cho bị cáo Đỗ Thị Tuyết P. Quá trình điều tra đã xác định anh H không biết và không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo H. Nên, không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự của anh Lý Thanh H trong vụ án là đúng quy định.

- Đối với anh Nguyễn Văn M: Sau khi bán Tê tê bị cáo K không có tài khoản Ngân hàng nên gọi điện và nhờ chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Văn M là bạn để nhận tiền giúp. Quá trình điều tra đã xác minh được khi nhận tiền từ bị cáo P thì anh M không biết tiền do K phạm tội mà có, anh M nghĩ rằng là tiền bị cáo K đi buôn bán nông sản có được, vì vậy anh Nguyễn Văn M không đồng phạm với bị cáo K, nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Nguyễn Văn M trong vụ án là đúng quy định.

- Quá trình thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo P và H thì chồng bị cáo P là anh Bùi Đức H, chồng bị cáo H là anh Trần Văn T không biết và liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo, trong quá trình khám xét nhà của hai bị cáo P và H không gây thiệt hại và không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 244, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi năm 2017 đối với bị cáo Đỗ Thị Tuyết P;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 244, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi năm 2017 đối với bị cáo Trần Thị H và bị cáo Nguyễn K;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, Điều 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thị Tuyết P, Trần Thị H và Nguyễn K phạm tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*”.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Tuyết P mức án 24 (Hai bốn) tháng tù, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2024 đến ngày 10/01/2025. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- Xử phạt các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn K mỗi bị cáo 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 36 (Ba sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29-4-2025).

Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh K giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn K cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh K giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bao xác rắn màu xanh, trên bao có chữ “DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CỬU LONG II” (loại bao đựng gạo); 01 (một) bao xác rắn màu nâu đã qua sử dụng; 01 (một) túi lưới màu xanh đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu đen, gắn biển kiểm soát 82U1 – 057.90, đã qua sử dụng, số khung: RLHJK0319MZ074019; số máy: JK03E5280265.

+ 01 (một) phong bì bằng giấy được niêm phong, mặt trước có chữ “CÔNG AN TỈNH K - CÔNG AN HUYỆN N NPĐT 01”, mặt sau được dán kín. Tại mép dán có chữ ký, ghi họ tên của những người có tên trong biên bản niêm phong và các hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh K. Bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, màu đỏ - đen, tên thiết bị: “OPPO A5S”, kiểu máy: “CPH1912”; số IMEI 1: 868683046382119, số IMEI 2: 868683046382101, khe sim 1 gắn sim số 0364.536.485 và khe sim 2 gắn số: 0355.910.471 đã qua sử dụng, màn hình có vết nứt vỡ.

+ 01 (một) phong bì bằng giấy được niêm phong, mặt trước có chữ “CÔNG AN TỈNH K - CÔNG AN HUYỆN N NPĐT 02”, mặt sau được dán kín. Tại mép dán có chữ ký, ghi họ tên của những người có tên trong biên bản niêm phong và các hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh K. Bên trong chứa 01 (một) điện thoại đi động màn hình cảm ứng nhãn hiệu “SAMSUNG”, màu trắng – xanh – đen, kiểu loại “GALAXY A05S”, số IMEI 1: 357533648031309, số IMEI 2: 358833708031309, điện thoại gắn một sim số 0373.101.948, đã qua sử dụng.

Vật chứng xử lý trên, về mô tả đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/4/2025, giữa Nhà tạm giữ N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 2.560.000đ (*hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) của bị cáo Nguyễn K theo biên lai thu tiền số 0001347 ngày 13/3/2025 và số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) của bị cáo Trần Thị H theo biên lai thu tiền 0001345 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Đỗ Thị Tuyết P, Trần Thị H, Nguyễn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng: Các bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29- 4 -2025). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh K;
- TAND tỉnh K;
- Các Bị cáo;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Công an tỉnh K;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Bá Khen

